|  |
| --- |
|  |
|  |  |
|  | |  |  | | --- | --- | | **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /2018/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |     **NGHỊ ĐỊNH**  **Quy định chi tiết việc quản lý vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**    *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*  *Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*  *Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 9 tháng 4 năm 2016;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc quản lý vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.*  **Chương I**  **CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định chi tiết việc quản lý vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài từ tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền (sau đây gọi chung là bên cho vay nước ngoài) cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vốn đối ứng của phía Việt Nam.  **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  1. Trừ trường hợp có quy định khác đi, các thuật ngữ được sử dụng tại Luật Quản lý nợ công có ý nghĩa tương tự khi sử dụng tại Nghị định này.  2. *Ký kết*là hành vi pháp lý do người có thẩm quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, bao gồm đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế, đàm phán, ký thỏa thuận cụ thể về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  3. *Ngân hàng phục vụ*là một ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ tiếp nhận và thanh toán nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án.  4. *Đăng ký khoản vay mới*là thủ tục đề xuất nhu cầu vay ODA, vốn vay ưu đãi và cập nhật thông tin về chương trình, dự án sử dụng khoản vay quy định tại Nghị định Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công.  5. *Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài*là văn bản được quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Quản lý nợ công.  **Điều 4. Nguyên tắc huy động vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Đảm bảo việc huy động vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong phạm vi Kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm và hằng năm, phù hợp với Chương trình quản lý nợ công 03 năm theo quy định của Luật Quản lý nợ công.  2. Phương thức vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài gồm:  a) Tài trợ chương trình, dự án đầu tư.  b) Hỗ trợ ngân sách trực tiếp để thực hiện chi cho đầu tư phát triển.  3. Mục tiêu vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  a) Vay cho bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng để thực hiện chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, không sử dụng cho chi thường xuyên. Các khoản thuế theo quy định, chi phí quản lý dự án, chi phí giải phóng mặt bằng phải được bố trí từ vốn đối ứng, không sử dụng vốn vay.  b) Chỉ vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài để cân đối ngân sách nhà nước khi điều kiện vay nước ngoài ưu đãi hơn vay trong nước.  c) Trường hợp cùng thời điểm có khả năng lựa chọn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì thứ tự ưu tiên sử dụng vốn vay nước ngoài để cân dối ngân sách nhà nước là vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.  d) Chỉ áp dụng vay theo phương thức ràng buộc nhà cung cấp, nhà thầu của bên cho vay nước ngoài khi khoản vay có yêu cầu rang buộc đạt điều kiện vốn vay ODA và chủ dự án chứng minh được hàng hóa, thiết bị của nhà tài trợ nước ngoài có ưu thế vượt trội về công nghệ, giá cả. Việc vay theo phương thức chỉ định nhà cung cấp, nhà thầu của bên cho vay nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền quyết định trong từng trường hợp.  **Điều 5. Nguyên tắc xác định thành tố ưu đãi**  1. Thành tố ưu đãi được xác định trên cơ sở các yếu tố về đồng tiền vay, thời gian vay, thời gian ân hạn, lãi suất vay, phí, chi phí vay khác, *khoản viện trợ đồng tài trợ (nếu có)* và tỉ lệ chiết khấu tại thời điểm tính toán.  2. Phương pháp tính thành tố ưu đãi được quy định cụ thể tại Phụ lục 01 của Nghị định này, trong đó lãi suất vay và tỉ lệ chiết khấu được quy định cụ thể tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.  3. Lãi suất vay là lãi suất tính gộp của lãi suất danh nghĩa và toàn bộ các phí vay, chi phí vay khác theo thỏa thuận vay nước ngoài.  4. Tỉ lệ chiết khấu tính tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam có phát hành trái phiếu quốc tế thì tỉ lệ chiết khấu là mức lãi suất thấp hơn giữa lãi suất phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ và lãi suất chiết khấu quy định tại điểm b) Khoản 4 Điều này.  b) Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam không phát hành trái phiếu quốc tế, đối với các khoản vay nước ngoài có thời gian vay dưới 15 năm, tỉ lệ chiết khấu là lãi suất chiết khấu (DDR) do OECD công bố hàng năm tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu; đối với các khoản vay có thời gian vay từ 15 năm trở lên, tỉ lệ chiết khấu được tính bằng trung bình 10 năm lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR) do OECD công bố tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu (USD, EUR và JPY) cộng mức rủi ro kỳ hạn cũng do OECD công bố. Đối với các đồng tiền khác áp dụng lãi suất chiết khấu do OECD công bố áp dụng cho đồng USD.  **Chương II**  **XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG VAY, ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY MỚI, LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Mục I**  **ĐỊNH HƯỚNG VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Điều 6. Khung điều kiện tài chính vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Bộ Tài chính định kỳ trao đổi với các nhà tài trợ lớn cho Việt Nam, tập hợp thông tin, công bố khung điều kiện tài chính vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ để bộ, ngành, địa phương tham khảo, làm cơ sở đăng ký khoản vay mới.  **Điều 7. Đề xuất nhu cầu sử dụng vốn vay**  Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 05 năm, chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ khung điều kiện tài chính vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của một số nhà tài trợ lớn, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài để thực hiện chương trình, dự án đầu tư phát triển có văn bản đề xuất gửi Bộ Tài chính. Văn bản cần làm rõ tên dự án, giai đoạn triển khai, nhu cầu vốn vay nước ngoài và khả năng bố trí vốn đối ứng, điều kiện vay ODA hay vay ưu đãi, dự kiến cơ chế tài chính trong nước; trường hợp đề xuất danh mục các dự án thì lập thứ tự ưu tiên. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần kèm theo báo cáo về tình hình dư nợ, danh mục các khoản vay đang giải ngân và còn dư nợ, dự kiến giải ngân và trả nợ, dự kiến dư nợ ngân sách địa phương theo từng năm đến khi kết thúc giải ngân các khoản vay.  **Điều 8. Xây dựng định hướng vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Căn cứ đề xuất nhu cầu sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của các bộ, ngành, địa phương, Kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 05 năm, Chương trình quản lý nợ công 03 năm, định hướng thu hút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và bên cho vay nước ngoài xây dựng khung định hướng vay trung hạn hoặc hàng năm. Kết quả thảo luận được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ với thông tin về danh mục dự án đề xuất vay, quy mô vốn ODA, vay ưu đãi, khung điều kiện vay và thời điểm dự kiến đàm phán khoản vay. Khung định hướng vay được định kỳ rà soát, có điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết.  2. Xây dựng hiệp định khung về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  a) Trường hợp bên cho vay nước ngoài yêu cầu ký hiệp định khung về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về khung định hướng vay nước ngoài của Chính phủ trung hạn hoặc hàng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ký hiệp định khung. Trình tự, thủ tục ký kết hiệp định khung về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 Nghị định này.  b) Nội dung hiệp định khung bao gồm thông tin cơ bản về danh mục dự án đề xuất vay, quy mô vốn ODA, vay ưu đãi, khung điều kiện vay và thời điểm dự kiến đàm phán khoản vay.  **Mục II**  **ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY MỚI NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Điều 9. Điều kiện đăng ký khoản vay mới nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan liên quan chỉ được đề xuất khoản vay mới nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho dự án đầu tư trên cơ sở khung định hướng vay trung hạn hoặc hàng năm thỏa thuận với bên cho vay nước ngoài.  **Điều 10. Quy trình đăng ký khoản vay mới nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Căn cứ khung định hướng vay trung hạn hoặc hàng năm với bên cho vay nước ngoài, Kế hoạch đầu tư công trung hạn của bộ, ngành, địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, hằng năm của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương theo quy định của Luật Quản lý nợ công và Luật Ngân sách nhà nước, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đăng ký khoản vay mới nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài gửi Bộ Tài chính.  2. Nội dung hồ sơ đăng ký khoản vay mới bao gồm Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Quản lý nợ công và nội dung quy định tại Điều 12 Nghị định này.  3. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ Tài chính chủ trì xác định thành tố ưu đãi theo quy định tại Điều 5 Nghị định này, đánh giá tác động của khoản vay mới đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công, xác định cơ chế tài chính trong nước theo nguyên tắc nêu tại Điều 11 Nghị định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề xuất sử dụng vốn vay. Trường hợp khoản vay đề xuất có điều kiện tài chính không phù hợp với quy định về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, đề xuất cơ chế tài chính trong nước không đúng quy định, Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho cơ quan đề xuất.  4. Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay, Bộ Tài chính xác nhận đăng ký khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong danh mục dự kiến vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ. Trường hợp đề xuất vay không được phê duyệt, Bộ Tài chính thông báo cho cơ quan đề xuất.  5. Cơ quan đề xuất khoản vay thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công, cập nhật đăng ký khoản vay mới theo quy định của Nghị định Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công.  6. Trường hợp cấp có thẩm quyền không phê duyệt chủ trương đầu tư/báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã được phê duyệt đề xuất, Bộ Tài chính đưa khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài dự kiến ra khỏi danh mục dự kiến vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  **Điều 11. Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Đối với chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương, vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài sử dụng để cân đối ngân sách nhà nước.  2. Đối với chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương hỗ trợ cấp phát một phần, cho vay lại một phần với tỷ lệ vay lại cụ thể vốn vay ODA, cho vay lại một phần hoặc toàn bộ đối với vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  Đối với dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài làm phần đóng góp của địa phương trong dự án đối tác công - tư (PPP), nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài áp dụng cơ chế cho vay lại một phần hoặc toàn bộ theo quy định của pháp luật về cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  3. Đối với các chương trình, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp: cho vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  4. Đối với các chương trình, dự án đầu tư phát triển của đơn vị sự nghiệp công lập: thực hiện cho vay lại toàn bộ hoặc một phần theo quy định của pháp luật về cho vay lại.  **Điều 12. Hồ sơ đăng ký khoản vay mới nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**     Để phục vụ việc xác định cơ chế tài chính trong nước đối với khoản vay mới nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài phải làm rõ các nội dung sau:  1. Xác định chương trình, dự án thuộc đối tượng cấp phát toàn bộ, cấp phát một phần, vay lại một phần hoặc cho vay lại toàn bộ phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều 10 Nghị định này.  2. Xác định khả năng bố trí nguồn vốn đối ứng cho chương trình, dự án:  a) Đối với chương trình, dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát, nguồn vốn đối ứng được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan chủ quản theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính kháctheo quy định của pháp luật.  b) Đối với chương trình, dự án thuộc diện vay lại (toàn bộ hoặc một phần), nguồn vốn đối ứng do chủ dự án bố trí từ vốn chủ sở hữu hoặc nguồn vốn hợp pháp khác của chủ dự án.  Đối với dự án do địa phương là cơ quan chủ quản: nguồn vốn đối ứng do địa phương bố trí toàn bộ.  c) Đối với phần vốn vay lại: đánh giá sơ bộ nguồn thu hoặc nguồn vốn bố trí trả nợ.  d) Làm rõ việc người vay lại đáp ứng các điều kiện được vay lại theo các quy định tương ứng tại Khoản 1 Điều 36 của Luật Quản lý nợ công.  **Mục III**  **LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Điều 13. Kế hoạch tài chính trung hạn cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại phải lập kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch vay trả nợ công 05 năm trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan.  **Điều 14. Nguyên tắc lập kế hoạch tài chính hàng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Trên cơ sở kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung, cơ quan chủ quản lập kế hoạch tài chính hàng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  2. Kế hoạch tài chính hàng năm phải lập chi tiết cho từng chương trình, dự án, từng điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, trong đó chia ra vốn chi đầu tư phát triển, vốn chi thường xuyên (nếu có), vốn vay lại, vốn đối ứng. Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ, kế hoạch vốn phần cấp phát và vay lại phải đảm bảo đúng tỷ lệ theo cơ chế tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  3. Mức bố trí vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm phải đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế của các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  4. Việc lập Kế hoạch tài chính hàng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài tuân thủ quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.  **Điều 15. Tổng hợp kế hoạch tài chính nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm**  1. Đối với các dự án chi đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, kế hoạch vốn đối ứng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.  2. Đối với các dự án có nội dung chi thường xuyên được ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạchrút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, kế hoạch vốn đối ứng vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.  3. Đối với khoản vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch rút vốn vay lại gửi Bộ Tài chính để tổng hợp dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.  4. Đối với dự án cho vay lại của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chủ dự án gửi Bộ Tài chính đăng ký kế hoạch giải ngân vốn vay lại hàng năm, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan cho vay lại. Bộ Tài chính tổng hợp vào kế hoạch giải ngân vốn vay lại hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.  5. Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung mẫu biểu và thuyết minh lập kế hoạch tài chính hàng năm đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  **Chương IV**  **KÝ KẾT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN THỎA THUẬN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Điều 16. Thẩm quyền quyết định việc ký kết thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Trường hợp thỏa thuận vay là điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ trình Chủ tịch nước việc đàm phán, ký, phê chuẩn.     2. Trường hợp điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và thỏa thuận vay nhân danh Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định và chỉ đạo tổ chức đàm phán, ký kết.  **Điều 17. Cơ sở đề xuất đàm phán, ký thỏa thuận vay cụ thể nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Cơ sở đề xuất đàm phán: văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  2. Cơ sở đề xuất ký: chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật, được đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn do cấp có thẩm quyền phê duyệt.  **Điều 18. Tổ chức đàm phán, ký thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Chính phủ giao Bộ Tài chính đại diện “bên vay” tại các thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và chủ trì đàm phán, ký thỏa thuận vay và các văn kiện pháp lý liên quan.  2. Khi có đầy đủ cơ sở đề xuất đàm phán quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này, Bộ Tài chính chủ trì thành lập đoàn đàm phán thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài với đại diện cơ quan chủ quản dự án, chủ dự án, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan khác có liên quan.  3. Trưởng đoàn đàm phán thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài phía Việt Nam là Lãnh đạo cấp Vụ của Bộ Tài chính do Chủ tịch nước ủy quyền trong trường hợp đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc do Bộ trưởng Bộ Tài chính phân công đối với các thỏa thuận vay còn lại.  4. Nội dung đàm phán thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài với bên cho vay nước ngoài phải được ký tắt và lập thành biên bản đàm phán. Trường hợp không tổ chức đàm phán trực tiếp, nội dung đã thống nhất khi đàm phán phải được bên cho vay nước ngoài xác nhận bằng văn bản.  5. Kết thúc đàm phán, Bộ Tài chính báo cáo kết quả đàm phán và trình cấp có thẩm quyền cho phép ký thỏa thuận vaykhi hoàn thành cơ sở đề xuất ký khoản vay quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.  **Điều 19. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn trên 06 tháng thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài làm thay đổi Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền  a) Khi đề xuất điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Cơ quan chủ quản đồng thời gửi Bộ Tài chính đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài (nếu có) để Bộ Tài chính xem xét, giải quyết.  b) Trên cơ sở ý kiến của cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn trên 06 tháng thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; trình Chính phủ để báo cáo Chủ tịch nước xem xét, phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn trên 06 tháng điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  2. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài không làm thay đổi Quyết định chủ trương đầu tư  a) Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài không làm thay đổi Quyết định chủ trương đầu tư, trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính trình Chính phủ để báo cáo Chủ tịch nước xem xét, phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung.  b) Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài không làm thay đổi Quyết định chủ trương đầu tư, trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.  c) Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài không thuộc điểm a và b khoản 2 Điều này, trường hợp đề xuất bổ sung, sửa đổi của cơ quan chủ quản làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ so với trước đó (như lãi suất, thời hạn vay, mức tiền vay, các khoản phí), Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trường hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung không làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ, Bộ Tài chính thống nhất và ký kết với bên cho vay nước ngoài, báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.  3. Đối với đề xuất gia hạn thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài không quá 06 tháng, trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính thực hiện thủ tục gia hạn với bên cho vay nước ngoài.  **Điều 20. Trình tự, thủ tục đề xuất ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Trình tự, thủ tục đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo Phụ lục số 02 Nghị định này.  **Điều 21. Lưu trữ, lưu chiểu thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Bộ Tài chính lưu trữ các thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký, gửi Bộ Ngoại giao để lưu chiểu các điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định, đồng gửi cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan để theo dõi, thực hiện.  **Chương IV**  **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Mục I**  **MỞ VÀ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN THANH TOÁN**  **Điều 22. Mở tài khoản thanh toán cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài tại hệ thống Kho bạc nhà nước**  1. Tài khoản nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  a) Các khoản vay của ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán theo dõi trên tài khoản của từng cấp ngân sách. Kho bạc nhà nước được ưu tiên làm cơ quan phục vụ thanh toán vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho các dự án cấp phát toàn bộ hoặc cấp phát một phần, cho vay lại một phần theo tỷ lệ.  b) Theo thoả thuận bằng văn bản với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại hệ thống Kho bạc nhà nước để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án.  2. Tài khoản vốn đối ứng: chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.  3. Kho bạc nhà nước tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho dự án từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, vốn đối ứng.  4. Việc mở và theo dõi, quản lý, báo cáo thông tin về tài khoản tại Kho bạc Nhà nước của chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo Phụ lục 03 Nghị định này.  **Điều 23. Điều kiện áp dụng đối với ngân hàng phục vụ chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Trường hợp thỏa thuận vay nước ngoài quy định vai trò của ngân hàng phục vụ giải ngân, rút vốn từ nước ngoài, sau khi ký kết thỏa thuận vay, Bộ Tài chính chỉ định ngân hàng phục vụ.  2. Điều kiện áp dụng đối với ngân hàng phục vụ  a) Là một ngân hàng thương mại được lựa chọn trong các ngân hàng thương mại có kinh nghiệm quản lý rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, có xếp hạng tín nhiệm quốc tế.  b) Có hệ thống chi nhánh phù hợp với yêu cầu của chương trình, dự án.  c) Chấp nhận các trách nhiệm của ngân hàng phục vụ quy định tại Nghị định này.  **Điều 24. Trách nhiệm của ngân hàng phục vụ**  1. Làm thủ tục cho Bộ Tài chính hoặc chủ dự án mở tài khoản vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án theo thỏa thuận vay nước ngoài và phù hợp với quy định của Nghị định này.  2. Theo dõi, quản lý tài khoản, thực hiện các giao dịch ngân hàng và thu phí theo quy định, báo cáo thông tin về tài khoản chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị định này.  **Mục II**  **KIỂM SOÁT CHI NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **Điều 25.** **Nguyên tắc kiểm soát chi đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Việc kiểm soát và thanh toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài (sau đây gọi tắt là kiểm soát chi) áp dụng theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.  2. Kiểm soát chi trong phạm vi kế hoạch vốn nước ngoài, vốn đối ứng hàng năm được duyệt, kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có) và kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  3. Đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài (kể cả các dự án vay lại) chi cho đầu tư phát triển, việc kiểm soát chi thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.  4. Đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc dự toán chi thường xuyên, việc kiểm soát chi thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.  5. Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung kiểm soát chi đặc thù đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  **Điều 26. Thời hạn kiểm soát chi**  Cơ quan kiểm soát chi có trách nhiệm kiểm soát chi hoặc từ chối xác nhận kiểm soát chi trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.  **Điều 27. Cơ quan kiểm soát chi**  1. Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án được ngân sách nhà nước cấp phát; các dự án áp dụng cơ chế cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ và các dự án vay lại của chính quyền địa phương.  2. Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính uỷ quyền cho vay lại thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự ánhoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế vay lại toàn bộ.  3. Đối với các chương trình, dự án khác chưa được xác định theo các khoản 1 và 2 Điều này, Bộ Tài chính xác định cơ quan kiểm soát chi phù hợp, đảm bảo nguyên tắc không có hai cơ quan kiểm soát chi cùng kiểm soát một hoạt động chi tiêu của dự án.  **Điều 28. Hình thức kiểm soát chi**  Kiểm soát chi trước là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi trước khi chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Kiểm soát chi sau là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi sau khi chủ dự án đã rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng.  Việc áp dụng hình thức kiểm soát chi thực hiện theo Phụ lục 03 Nghị định này.  **Điều 29. Hồ sơ kiểm soát chi**  1. Để phục vụ kiểm soát chi, chủ dự án gửi hồ sơ pháp lý gửi một lần theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán nguồn vốn ngân sách nhà nước.  2. Các hồ sơ bổ sung đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo Phụ lục 03 Nghị định này.  **Điều 30. Thời hạn xác nhận hồ sơ tạm ứng, thanh toán**  1. Cơ quan kiểm soát chi chỉ xác nhận hồ sơ đề nghị tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ dự án gửi hồ sơ chứng từ đề nghị thanh toán đến cơ quan kiểm soát chi trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.  2. Cơ quan kiểm soát chi chỉ xác nhận hồ sơ đề nghị thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng). Chủ dự án gửi hồ sơ chứng từ đến cơ quan kiểm soát chi trước ngày 27 tháng 01 năm sau.  **Mục III**  **RÚT VỐN, QUẢN LÝ HẠCH TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, THEO DÕI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI VAY VỀ CHO VAY LẠI**  **Điều 31. Các hình thức rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Các hình thức rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài bao gồm:  1. Giải ngân hỗ trợ ngân sách: vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài được giải ngân về ngân sách nhà nước đối với các chương trình hỗ trợ ngân sách trực tiếp hoặc phương thức tài trợ dựa trên kết quả.  2. Tài trợ theo chương trình, dự án:  Phương thức tài trợ theo chương trình, dự án áp dụng một hoặc một số các hình thức rút vốn sau đây: thanh toán trực tiếp và thanh toán chuyển tiền, thanh toán theo thư cam kết, hoàn vốn hoặc hồi tố, tài khoản tạm ứng.  **Điều 32. Thời gian xử lý, trình tự, thủ tục rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Thời gian xử lý đơn rút vốn tại Bộ Tài chính là 05 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.  2. Trình tự, thủ tục rút vốn theo từng hình thức rút vốn thực hiện theo Phụ lục 03 Nghị định này.  **Điều 33. Nguyên tắc quản lý hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài vào ngân sách nhà nước**  1. Nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải được hạch toán đầy đủ, chính xác vào ngân sách nhà nước.  2. Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ hoặc một phần theo tỷ lệ được kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước, việc hạch toán ngân sách nhà nước phần vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo cơ chế cấp phát và phần vốn cho vay lại theo tỷ lệ (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) do Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện.  3. Hạch toán ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở chứng từ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng do nhà tài trợ thông báo.  4. Quy trình quản lý hạch toán ngân sách nhà nước, điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo Phụ lục số 03 Nghị định này.  **Điều 34. Theo dõi, đối chiếu vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập vay lại**  Đối với vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập vay lại, Bộ Tài chính định kỳ thông báo cho Cơ quan được ủy quyền cho vay lại về số rút vốn vay nước ngoài để phục vụ đối chiếu, theo dõi khoản vay lại.  **Mục IV**  **BÁO CÁO, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA**  **Điều 35. Báo cáo tình hình giải ngân, hạch toán ngân sách nhà nước và tình hình biến động tài sản hình thành từ vốn vay**  1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý, chủ dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước lập báo cáo gửi cơ quan chủ quản, đồng gửi cơ quan tài chính đồng cấp về tình hình giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoàitrong quý kèm các Giấy hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước được Kho bạc nhà nước nơi giao dịch xác nhận.  Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập nhận vay lại thực hiện quy định về chế độ báo cáo giải ngân theo quy định của Nghị định Chính phủ về cho vay lại.  2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, chủ dự án gửi Báo cáo kết thúc rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho Bộ Tài chính để làm cơ sở quyết toán dự án.  3. Chủ dự án lập và gửi các báo cáo tài chính cho nhà tài trợ theo quy định tại văn kiện dự án, điều ước quốc tế, thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết, đồng gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan Tài chính đồng cấp để theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác quản lý tài chính đối với dự án.  4. Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý, chủ dự án gửi Bộ Tài chính Báo cáo quý về tình hình thực hiện kế hoạch vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Báo cáo gửi bằng văn bản hoặc theo phương thức khác do Bộ Tài chính hướng dẫn.  5. Định kỳ 6 tháng và cả năm, trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo, để phục vụ đối chiếu số liệu hạch toán và thực tế giải ngân, cơ quan chủ quản có trách nhiệm lập, tổng hợp và cung cấp cho Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  6. Bộ Tài chính hướng dẫn các mẫu biểu báo cáo giải ngân và hạch toán ngân sách nhà nước.  **Điều 36. Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra**  Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  **Điều 37. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản**  1. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật, các điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi, quy định pháp luật liên quan và hướng dẫn của Bộ Tài chính.  2. Nguồn thu từ việc khai thác tài sản công do Nhà nước đầu tư từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài phải được ưu tiên dành để trả nợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Chủ dự án hoặc đơn vị được giao vận hành dự án có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ về tình hình biến động giá trị tài sản hình thành từ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và dòng tiền phát sinh từ tài sản đó theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.  **Điều 38. Quản lý tài chính đối với ODA viện trợ không hoàn lại đồng tài trợ khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Trường hợp tiếp nhận vốn ODA viện trợ không hoàn lại theo phương thức đồng tài trợ với khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại áp dụng quy định về quản lý tài chính tại Chương V Nghị định này.  **Chương V**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 39. Hiệu lực thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.  2. Các quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trái với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo Nghị định này.  3. Các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày có hiệu lực của Nghị định này được tiếp tục áp dụng quy định về mở và quản lý tài khoản vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định pháp luật có liên quan còn hiệu lực trước ngày có hiệu lực của Nghị định này.  **Điều 40. Tổ chức thực hiện**  1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định này.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhândân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộcChính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộctrung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm soát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, QHQT (3).XH | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**                **Nguyễn Xuân Phúc** |   **PHỤ LỤC 01**  **PHƯƠNG PHÁP TÍNH THÀNH TỐ ƯU ĐÃI NGUỒN VỐN VAY ODA,**  **VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  (*Ban hành kèm theo Nghị định số …./2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ*)  Thành tố ưu đãi được xác định trên cơ sở các yếu tố về đồng tiền vay, thời gian vay, thời gian ân hạn, lãi suất vay, phí, chi phí vay khác và tỉ lệ chiết khấu tại thời điểm tính toán.  Công thức tính thành tố ưu đãi của khoản vay:  GE =  Trong đó:  GE: Thành tố ưu đãi của khoản vay (%)  G: Thời gian ân hạn (năm)  M: Thời hạn cho vay (năm).  r: Lãi suất vay (%) là chi phí vay gộp của khoản vay và khoản viện trợ không hoàn lại (nếu có), được tính căn cứ theo phương pháp tỷ lệ hoàn vốn nội bộ của các dòng tiền giải ngân và dòng tiền trả nợ theo từng năm trong suốt thời gian vay của dự án.  a: Số lần trả nợ trong năm (theo điều kiện của nhà tài trợ)  d: Tỷ lệ chiết khấu của mỗi kỳ: d = (1 + d’)1/a - 1(%)  d’: Tỷ lệ chiết khấu (%) tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán được xác định cụ thể như sau:  - Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam có phát hành trái phiếu quốc tế thì tỉ lệ chiết khấu là mức lãi suất thấp hơn giữa lãi suất phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ và lãi suất chiết khấu quy định tại điểm b) Khoản 4 Điều 5 của Nghị định này.  - Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam không phát hành trái phiếu quốc tế:  + Đối với các khoản vay nước ngoài có thời gian vay dưới 15 năm: Tỉ lệ chiết khấu là lãi suất chiết khấu (DDR) do OECD công bố hàng năm tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu;  + Đối với các khoản vay có thời gian vay từ 15 năm trở lên: Tỉ lệ chiết khấu được tính bằng trung bình 10 năm lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR) do OECD công bố tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu (USD, EUR và JPY) cộng mức rủi ro kỳ hạn do OECD công bố./.  **PHỤ LỤC 02**  **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐÀM PHÁN, KÝ, PHÊ CHUẨN, PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN THỎA THUẬN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  (*Ban hành kèm theo Nghị định số …./2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ*)  **I. QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT ĐÀM PHÁN THỎA THUẬN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **1. Đối với điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ, gửi Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, cơ quan chủ quản và cơ quan liên quan để góp ý kiến trong thời hạn tối đa 15 ngày (trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn là 05 ngày).  2. Trong 10 ngày kể từ khi hết hạn góp ý kiến, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Hồ sơ trình Chính phủ đề xuất đàm phán thực hiện theo Điều 11 Luật Điều ước quốc tế; trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Điều ước quốc tế.  3. Trên cơ sở quyết định đàm phán và ủy quyền đàm phán của Chủ tịch nước, giấy ủy quyền cho Trưởng đoàn đàm phán phía Việt Nam do Bộ Ngoại giao cấp, Bộ Tài chính tổ chức thực hiện đàm phán theo quy định.  **2. Đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  Đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đàm phán và thống nhất với bên cho vay nước ngoài về dự thảo thỏa thuận vay theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.  Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Tài chính trao đổi lại với bên cho vay nước ngoài để hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận vay. Sau khi thống nhất với bên cho vay nước ngoài, Bộ Tài chính tổng hợp kết quả đàm phán, dự thảo Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  Trình tự, thủ tục đề xuất ký thỏa thuận vay thực hiện theo Mục II Phụ lục này.  **II. QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT KÝ THỎA THUẬN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **1. Đối với điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  1. Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ, gửi Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, cơ quan chủ quản và cơ quan liên quan để góp ý kiến trong thời hạn tối đa 15 ngày (trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn là 05 ngày).  2. Trong 10 ngày kể từ khi hết hạn góp ý kiến, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Hồ sơ trình Chính phủ đề xuất ký thực hiện theo Điều 17 Luật Điều ước quốc tế; trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Điều ước quốc tế.  3. Căn cứ quyết định của Chủ tịch nước cho phép ký kết, Bộ Tài chính hoặc người được Chủ tịch nước ủy quyền thực hiện ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức trực tiếp hoặc ký luân chuyển. Bộ Tài chính gửi Bộ Ngoại giao lưu trữ thỏa thuận vay đã ký và các tài liệu liên quan theo quy định, đồng gửi thỏa thuận vay đã ký cho cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan để theo dõi, thực hiện.  **2. Đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  a) Bộ Tài chính tổng hợp kết quả đàm phán, dự thảo Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu cần thiết) trong thời hạn 05 ngày.  b) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm Tờ trình đề xuất ký, ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan và kiến nghị biện pháp xử lý, đánh giá sự phù hợp giữa quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận vay nhân danh Chính phủ với quy định của pháp luật Việt Nam; văn bản điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận vay nhân danh Chính phủ đã thỏa thuận với bên cho vay nước ngoài (bản ký tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt).  c) Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ký kết, Bộ Tài chính tiến hành ký kết theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; thực hiện ký kết hoặc ủy quyền ký kết thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài với bên cho vay nước ngoài.  d) Bộ Tài chính gửi Bộ Ngoại giao lưu chiểu điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, lưu trữ thỏa thuận vay đã ký theo quy định, đồng gửi cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan để theo dõi, thực hiện.  **III. QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT PHÊ CHUẨN, PHÊ DUYỆT THỎA THUẬN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **1. Đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  a) Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ, gửi Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, cơ quan chủ quản và cơ quan liên quan để góp ý kiến trong thời hạn tối đa 15 ngày (trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn là 05 ngày).  b) Trong 10 ngày kể từ khi hết hạn góp ý kiến, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Hồ sơ trình Chính phủ đề xuất phê chuẩn thực hiện theo Điều 31 Luật Điều ước quốc tế; trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Điều ước quốc tế.  c) Trên cơ sở quyết định phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chủ tịch nước, Bộ Ngoại giao thực hiện thủ tục đối ngoại về việc phê chuẩn điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 64 Luật Điều ước quốc tế, đồng gửi Bộ Tài chính để cập nhật hồ sơ theo dõi.  d) Trường hợp điều ước quốc tế có điều khoản quy định về ý kiến pháp lý, Bộ Tư pháp làm thủ tục cấp ý kiến pháp lý theo quy định trong thời hạn nêu tại điều ước quốc tế để gửi bên cho vay nước ngoài.  **2. Đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  a) Trường hợp điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài có quy định trái với luật, nghị quyết của Quốc hội phải thực hiện thủ tục phê chuẩn. Trình tự, thủ tục phê chuẩn thực hiện theo quy định tại mục 1 Phần III Phụ lục này.  b) Trường hợp điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài phải phê duyệt theo quy định tại Điều 37 Luật Điều ước quốc tế, Bộ Tài chính lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp trong thời hạn 05 ngày và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt điều ước quốc tế. Hồ sơ trình bao gồm Tờ trình, trong đó có đánh giá tác động của thỏa thuận vay đối với Việt Nam, kiến nghị về việc phê duyệt, thời điểm phê duyệt; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; văn bản thỏa thuận vay đã ký (bản ký tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt).  c) Trường hợp điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài có điều khoản quy định về ý kiến pháp lý, Bộ Tư pháp làm thủ tục cấp ý kiến pháp lý theo quy định trong thời hạn nêu tại điều ước quốc tế để gửi bên cho vay nước ngoài.  **IV. QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN THỎA THUẬN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  **1. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  a) Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài gửi Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, gửi cơ quan, tổ chức liên quan (nếu cần thiết) để góp ý kiến trong 05 ngày làm việc.  b) Trong 05 ngày làm việc kể từ khi hết hạn góp ý kiến, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Hồ sơ trình Chính phủ thực hiện theo Khoản 6 Điều 54 Luật Điều ước quốc tế (trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 73, 74 Luật Điều ước quốc tế).  c) Căn cứ quyết định của Chủ tịch nước, Bộ Tài chính thông báo cho bên cho vay nước ngoài để hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  **2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài**  2.1 Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo Điều 23 Nghị định  a) Căn cứ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay của cơ quan đề xuất, Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay gửi Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, gửi cơ quan, tổ chức liên quan (nếu cần thiết) để góp ý kiến trong 05 ngày làm việc.  b) Trong 05 ngày làm việc kể từ khi hết hạn góp ý kiến, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình, trong đó nêu rõ các nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; văn bản thỏa thuận vay; đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận vay của cơ quan đề xuất.  c) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thông báo cho bên cho vay nước ngoài để hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ hoặc thỏa thuận nhân danh Chính phủ về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  2.2 Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn không thuộc phạm vi mục 2.1 trên  Trường hợp đề xuất của cơ quan chủ quản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn không làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ, Bộ Tài chính thống nhất và hoàn tất thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn các thỏa thuận vay nêu trên với bên cho vay nước ngoài./.  **PHỤ LỤC 03**  **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  (*Ban hành kèm theo Nghị định số …./2018/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2018 của Chính phủ*)  **I. MỞ VÀ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN CHO CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  1. Nguyên tắc mở tài khoản cho nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  a) Theo quy định tại thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng phục vụ làm thủ tục mở tài khoản giao dịch (tài khoản tạm ứng) cho chủ dự án hoặc Bộ Tài chính phù hợp với yêu cầu thanh toán của dự án.  Các dự án có nhiều khoản tài trợ phải mở các tài khoản riêng để theo dõi từng nguồn vốn rút về.  b) Trường hợp dự án có nhiều đơn vị thực thi, theo thoả thuận với bên cho vay nước ngoài, chủ dự án mở tài khoản nhánh tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc chi nhánh ngân hàng phục vụ.  c) Đồng tiền của tài khoản là đồng ngoại tệ vay nước ngoài (trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận mở tài khoản bằng VNĐ).  2. Trách nhiệm của cơ quan giữ tài khoản của chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  a) Theo đề nghị của chủ dự án là chủ tài khoản, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ được Bộ Tài chính chỉ định hướng dẫn cho chủ dự án hồ sơ để mở các tài khoản liên quan của dự án và thực hiện các giao dịch thanh toán, rút vốn và các nghiệp vụ khác theo quy định hiện hành.  b) Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp cho dự án đầy đủ các thông tin để thực hiện các giao dịch thanh toán trong và ngoài nước qua hệ thống ngân hàng.  c) Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa cơ quan giữ tài khoản và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, cơ quan giữ tài khoản có trách nhiệm gửi báo cáo sao kê tài khoản tạm ứng cho chủ tài khoản, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ.  d) Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa cơ quan giữ tài khoản và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, cơ quan giữ tài khoản thông báo cho chủ tài khoản số lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng của dự án (nếu có); số phí dịch vụ ngân hàng đã thu; số chênh lệch giữa lãi và phí; số dư đầu kỳ, cuối kỳ.  đ) Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo có số tiền giải ngân từ nhà tài trợ, cơ quan giữ tài khoản thực hiện ghi có vào tài khoản của dự án và thông báo cho chủ tài khoản biết.  3. Quản lý lãi tài khoản tạm ứng  a) Lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng phải được hạch toán theo dõi riêng và được sử dụng để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng theo quy định. Phí dịch vụ ngân hàng là khoản chi thuộc dự án. Trường hợp số lãi phát sinh không đủ để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng, chủ dự án lập dự toán và bố trí vốn đối ứng để chi trả.  b) Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản tạm ứng, đối với các dự án do ngân sách cấp phát toàn bộ, chủ dự án nộp số dư lãi phát sinh trên các tài khoản này vào ngân sách nhà nước. Đối với các dự án vay lại toàn bộ, số dư lãi phát sinh là nguồn thu của chủ dự án. Đối với các dự án vay lại theo tỷ lệ, số dư lãi phát sinh được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng.  **II. KIỂM SOÁT CHI NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  1. Hình thức kiểm soát chi  a) Các khoản chi phải kiểm soát chi trước bao gồm:  - Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp đối với các dự án hoặc dự án thành phần thuộc diện được cấp phát.  - Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp đối với các hợp đồng thanh toán một lần hoặc đợt thanh toán lần cuối của hợp đồng đối với hợp đồng thanh toán nhiều lần của các dự án vay lại.  - Chuyển tiền từ tài khoản tạm ứng (sau đây viết tắt là TKTƯ) sang tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí kiểm toán độc lập sau khi đóng TKTƯ.  - Chi từ tài khoản cấp hai đối với dự án có hai cấp TKTƯ, trừ các khoản chi hoạt động quản lý dự án thuộc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  - Khoản thanh toán một lần duy nhất cho Thư tín dụng hoặc theo hình thức ủy quyền cho nước ngoài chi trực tiếp.  b) Kiểm soát chi sau áp dụng với các trường hợp sau:  - Các khoản thanh toán nguồn vốn JICA.  - Các khoản thanh toán nhiều lần theo phương thức thư tín dụng hoặc ủy quyền cho bên nước ngoài chi trực tiếp.  - Các khoản chi không quy định tại điểm a khoản này.  c) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày rút vốn thanh toán, chủ dự án phải hoàn tất hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát chi xác nhận để làm cơ sở thực hiện lần thanh toán kế tiếp.  d) Trường hợp thấy cần thiết, chủ dự án có quyền thỏa thuận với nhà thầu áp dụng hình thức kiểm soát chi trước đối với các khoản chi nêu trên và gửi cơ quan kiểm soát chi để phối hợp thực hiện.  2. Hồ sơ bổ sung phục vụ kiểm soát chi nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  Chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền gửi các tài liệu sau đây cho cơ quan kiểm soát chi để làm căn cứ kiểm soát chi nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho mỗi chương trình, dự án:  a) Thỏa thuận về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án) và sổ tay quản lý dự án (nếu có).  b) Đối với hợp đồng giữa chủ dự án với nhà thầu và các tài liệu kèm theo chỉ ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt phần các quy định về thanh toán của hợp đồng, có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án. Chủ dự ánchịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt.  c) Các thỏa thuận, thư hoặc văn bản "ý kiến không phản đối" của bên cho vay nước ngoài; thỏa thuận với nhà thầu về thực hiện dự án (danh mục chi phí hợp lệ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng theo quy định cụ thể của hợp đồng). Trường hợp ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt.  d) Đề nghị mở tài khoản dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để hạch toán giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi.  Chủ dự án chỉ gửi một lần bản chính hoặc bản sao có đóng dấu của chủ dự án các tài liệu trên. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bản sao cung cấp cho Bộ Tài chính.  đ) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ dự án, cơ quan kiểm soát chi căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán), hoặc dự toán được duyệt đối với trường hợp thanh toán không theo hợp đồng và giá trị từng lần thanh toán, để thực hiện kiểm soát chi và thanh toán cho chủ dự án. Chủ dự án tự chịu trách nhiệm về phương thức lựa chọn nhà thầu, tính chính xác, hợp pháp của khối lượng nghiệm thu thanh toán, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình và việc tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng. Cơ quan kiểm soát chi không chịu trách nhiệm về các vấn đề này.  3. Báo cáo số liệu kiểm soát chi  Chậm nhất vào ngày 05 của tháng kế tiếp, Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số liệu vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã xác nhận kiểm soát chi trên địa bàn trong tháng trước, báo cáo Kho bạc Nhà nước, đồng gửi Sở Tài chính (đối với phần vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để theo dõi, quản lý đối với phần vốn cấp phát và vốn vay lại.  **III. RÚT VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI**  1. Trình tự và thủ tục rút vốn theo phương thức hỗ trợ ngân sách  a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan để thực hiện các cam kết về phần mình theo thoả thuận với bên cho vay nước ngoài, để thoả mãn điều kiện tiên quyết về rút vốn nêu trong các điều ước quốc tế, thỏa thuận về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết.  b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của bên cho vay nước ngoài.  c) Đối với phương thức hỗ trợ ngân sách chung, Bộ Tài chính xử lý các hồ sơ và đơn rút vốn gửi bên cho vay nước ngoài và chuyển các khoản rút vốn về ngân sách nhà nước để sử dụng theo thỏa thuận vay đã ký.  d) Trường hợp khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức hỗ trợ ngân sách cho một ngành, lĩnh vực cụ thể:  - Cơ quan chủ quản chương trình, dự án có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính về thời điểm rút vốn, số tiền rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, đảm bảo khoản tiền giải ngân đã được đưa vào kế hoạch tài chính năm của các dự án thành phần.  - Vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài giải ngân về ngân sách được phân bổ cho các dự án thành phần để sử dụng theo đúng quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.  3. Trình tự và thủ tục rút vốn theo phương thức tài trợ dựa trên kết quả:  a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chỉ số giải ngân liên quan theo thoả thuận với bên cho vay nước ngoài để làm cơ sở rút vốn. Chủ dự án được tiếp nhận vốn tạm ứng theo quy định của bên cho vay nước ngoài để thực hiện các công việc đã thỏa thuận nhằm đạt được cam kết gắn với chỉ số giải ngân.  b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo, tài liệu hoặc cung cấp tài liệu chứng minh việc hoàn thành các tiêu chí giải ngân quy định tại thỏa thuận vay đã ký để gửi bên cho vay nước ngoài. Chủ dự án lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của bên cho vay nước ngoài.  c) Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân được chuyển về tài khoản của đơn vị thực hiện chương trình, dự án mở tại Kho bạc nhà nước theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Việc chi tiêu tuân thủ quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.  4. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với các khoản ODA, vay ưu đãi theo phương thức tài trợ dự án  4.1 Các hình thức rút vốn  - Thanh toán trực tiếp: là hình thức mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ đồng ý chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp của dự án.  - Thanh toán chuyển tiền: là hình thức thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán hoàn vốn nêu dưới đây bằng Đồng Việt Nam.  - Thanh toán theo thư cam kết: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ phát hành một thư cam kết sẽ trả lại tiền cho ngân hàng thương mại đối với khoản thanh toán đã thực hiện cho nhà thầu, nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng (L/C) qua hệ thống ngân hàng thương mại (ngân hàng cho vay, ngân hàng phục vụ).  - Hoàn vốn hoặc Hồi tố: là hình thức mà nhà tài trợ thanh toán tiền từ tài khoản vốn vay vào tài khoản do Bên vay chỉ định, để hoàn lại các khoản chi hợp lệ do chủ dự án đã chi cho dự án. Các khoản chi hợp lệ có thể phát sinh trước (hồi tố) hoặc các khoản chi hợp lệ phát sinh sau (hoàn vốn) khi ký điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và phải tuân thủ các quy định cụ thể trong các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận đó.  - Tài khoản tạm ứng  Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ tạm ứng trước một khoản tiền theo đề nghị của Bên vay, vào một tài khoản mở riêng cho dự án tại ngân hàng phục vụ để Bên vay chủ động trong việc thanh toán cho các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay. Việc chi tiêu và thanh toán từ tài khoản tạm ứng được Bộ Tài chính và nhà tài trợ kiểm soát chặt chẽ.  4.2 Sau khi nhà tài trợ thông báo đã hoàn thành các điều kiện tiên quyết để rút vốn theo quy định tại các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, chủ dự án hoặc ban quản lý dự án lập bộ hồ sơ đề nghị rút vốn theo mẫu của bên cho vay nước ngoài và theo từng hình thức rút vốn nêu tại điểm 4.1 trên gửi Bộ Tài chính.  Trong trường hợp bên cho vay nước ngoài yêu cầu các tài liệu bổ sung, hoặc chỉ chấp thuận một phần đơn rút vốn, Bộ Tài chính hoặc bên cho vay nước ngoài thông báo cho chủ dự án để phối hợp xử lý kịp thời các yêu cầu hợp lý của bên cho vay nước ngoài.  4.3 Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính  Ngoài bộ hồ sơ pháp lý gửi một lần nêu tại mục 2 Phần II (trừ điểm d) Phụ lục này, đối với mỗi đợt rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi cho Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn, được quy định cụ thể phù hợp với từng hình thức rút vốn như sau:  a) Hình thức thanh toán trực tiếp (hoặc thanh toán chuyển tiền)  - Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn, các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của nhà tài trợ;  - Hoá đơn hoặc đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp;  - Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính);  - Ngoài các tài liệu nêu trên, đối với khoản chi tạm ứng, chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại, giá trị bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng, thời gian bảo lãnh tạm ứng cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng.  - Trường hợp thực hiện kiểm soát chi sau, chủ dự án cần lưu ý xử lý việc rút vốn theo từng giai đoạn thanh toán như sau:  + Trong giai đoạn thanh toán giữa kỳ, nếu giá trị Giấy xác nhận thanh toán của cơ quan kiểm soát chi có chênh lệch với số chi thực tế đã thanh toán ở kỳ trước, chủ dự án chịu trách nhiệm điều chỉnh số chênh lệch này vào giá trị thanh toán của kỳ kế tiếp.  + Thanh toán kỳ cuối: Chủ dự án gửi Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi đối với kỳ thanh toán trước đó và của kỳ thanh toán cuối cùng để đảm bảo toàn bộ khối lượng thanh toán của Hợp đồng dự án đã được kiểm soát chi.  b) Hình thức rút vốn theo Thư cam kết  Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:  - Công văn đề nghị nhà tài trợ phát hành thư cam kết, trong đó báo cáo rõ số vốn đã giải ngân theo kế hoạch tài chính năm và phần kế hoạch năm chưa giải ngân tối thiểu bằng giá trị thư cam kết.  - Bản sao hợp đồng ký kết phù hợp với quy định; hợp đồng cần có điều khoản quy định một trong các điều kiện hoặc chứng từ thanh toán từng lần theo L/C là phải có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi về tính hợp lệ của khoản thanh toán lần trước đó.  - Bộ hồ sơ phát hành thư cam kết theo mẫu của nhà tài trợ và bản sao L/C đã mở.  Trường hợp hợp đồng thương mại có điều khoản thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết, chủ dự án gửi Bộ Tài chính hồ sơ nêu trên để xem xét có ý kiến về việc mở L/C gửi Ban quản lý dự án và ngân hàng phục vụ, đồng thời gửi Thư thông báo uỷ quyền thanh toán không huỷ ngang cho ngân hàng được uỷ quyền của nhà tài trợ để thanh toán theo L/C.  Việc thanh toán cho thư tín dụng có hoặc không có thư cam kết áp dụng chế độ kiểm soát chi sau. Ngoài các hóa đơn, chứng từ theo quy định về thanh toán L/C theo thông lệ quốc tế, bộ hồ sơ thanh toán gửi ngân hàng thanh toán L/C bao gồm cả Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (trường hợp ngân hàng thanh toán L/C là ngân hàng nước ngoài, chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bản dịch có xác nhận của chủ dự án đối với Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi). Mỗi lần thanh toán, chủ dự án cung cấp Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi của lần thanh toán trước đó.  c) Hình thức rút vốn Hoàn vốn hoặc Hồi tố  Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn gồm các tài liệu sau:  - Công văn đề nghị rút vốn, Đơn rút vốn và sao kê theo mẫu của nhà tài trợ;  Đơn rút vốn phải ghi rõ tên và số tài khoản của từng đơn vị đã ứng vốn. Đối với các khoản do ngân sách nhà nước ứng trước (vốn chuẩn bị dự án, vốn ứng trước để thực hiện dự án), phải nêu rõ tên và số tài khoản của cấp ngân sách nơi ứng vốn.  - Chứng từ chuyển tiền chứng minh khoản kinh phí đã được chủ dự án thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng hoặc Bảng đối chiếu xác nhận công nợ giữa chủ dự án với nhà thầu, người thụ hưởng;  - Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của Cơ quan kiểm soát chi (bản chính).  Trong trư­ờng hợp đặc biệt theo yêu cầu của nhà tài trợ, Bộ Tài chính có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.  d) Tài khoản tạm ứng (TKTƯ)  i) Nguyên tắc chi tiêu TKTƯ  Việc chi tiêu từ TKTƯ áp dụng quy định về kiểm soát chi và các quy định của nhà tài trợ.  ii) Rút vốn lần đầu về TKTƯ  Việc rút vốn lần đầu về TKTƯ được thực hiện căn cứ trên hạn mức (hoặc mức tối đa) của TKTƯ quy định trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết. Việc rút vốn về tài khoản nhánh phải thực hiện qua TKTƯ.  Để thực hiện rút vốn lần đầu, chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau để xem xét và ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ:  - Công văn đề nghị rút vốn;  - Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu của Nhà tài trợ;  - Kế hoạch chi tiêu chi tiết cho giai đoạn 3 tháng tới.  iii) Chi từ TKTƯ do Bộ Tài chính là chủ tài khoản  Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:  - Công văn đề nghị thanh toán vốn của chủ chương trình, dự án;  - Đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp, người thụ hưởng;  - Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính) đối với mỗi đợt thanh toán (hình thức kiểm soát chi trước) hoặc bảng kê các khoản thanh toán được cơ quan kiểm soát chi xác nhận (bản chính). Trường hợp thanh toán tạm ứng cần cung cấp các chứng từ bảo lãnh ngân hàng đối với khoản tạm ứng theo quy định.  iv) Rút vốn bổ sung TKTƯ hoặc báo cáo chi tiêu TKTƯ  Để rút vốn bổ sung TKTƯ hoặc báo cáo chi tiêu TKTƯ, chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:  - Công văn đề nghị;  - Kế hoạch chi tiêu từ TKTƯ chi tiết cho giai đoạn 3 tháng tới;  - Đơn rút vốn, các sao kê và chứng từ chi tiêu theo quy định của nhà tài trợ;  - Giấy đề nghị thanh toán vốn nước ngoài có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính) hoặc bảng kê tổng hợp các khoản thanh toán hợp lệ có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính);  - Sao kê TKTƯ của ngân hàng phục vụ, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ; nếu có tài khoản nhánh thì gửi kèm sao kê.  Bộ Tài chính xem xét ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ.  v) Khi gửi hồ sơ cho Bộ Tài chính theo từng hình thức rút vốn quy định tại mục i) đến iv) điểm này, chủ dự án gửi kèm các tài liệu sau:  - Giấy đề nghị hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài do Kho bạc Nhà nước xác nhận hoặc Báo cáo sao kê rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài (đối với dự án cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập vay lại).  Giấy đề nghị hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài có xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, Báo cáo sao kê rút vốn vay là cơ sở để Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt đơn rút vốn.  - Công văn đề nghị cần trình bày rõ lũy kế phần kế hoạch năm nguồn vốn nước ngoài đã thực hiện giải ngân và phần kế hoạch còn được sử dụng.  - Giấy đề nghị hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đối với các khoản chi đến ngày 31/12 năm trước gửi Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 31/01 năm sau.  Các mẫu Giấy đề nghị hạch toán, mẫu biểu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.  **IV. QUẢN LÝ HẠCH TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, THEO DÕI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI VAY VỀ CHO VAY LẠI**  1. Đối với phương thức rút vốn bằng tiền hỗ trợ ngân sách:  Căn cứ vào chứng từ nhận tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng phục vụ, Kho bạc nhà nước hạch toán thu vốn ODA viện trợ không hoàn lại, hạch toán vay của ngân sách nhà nước vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định; trường hợp chuyển ngoại tệ vào Quỹ ngoại tệ tập trung thì Kho bạc nhà nước hạch toán theo quy định đối với các khoản thu hoặc khoản vay của ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ.  2. Đối với phương thức tài trợ dự án  2.1 Hạch toán tại Kho bạc nhà nước  i) Thời hạn hạch toán ngân sách nhà nước  Vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài được xác nhận kiểm soát chi trong niên độ ngân sách năm trước và rút vốn trước 31 tháng 01 năm sau thì được hạch toán trong niên độ ngân sách năm trước; giải ngân trong niên độ ngân sách năm sau thì hạch toán vào năm sau. Số dư dự toán năm trước đối với số vốn đã được kiểm soát chi nhưng chưa kịp thanh toán trong niên độ năm trước được chuyển nguồn sang năm sau để hạch toán ngân sách nhà nước.  ii) Quy trình hạch toán  - Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi được bên cho vay nước ngoài, cơ quan thực hiện rút vốn (trường hợp dự án có nhiều chủ dự án nhưng trách nhiệm rút vốn được giao cho một đơn vị) hoặc Bộ Tài chính thông báo đã giải ngân, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập 3 liên Giấy đề nghị hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài (bản chính) kèm Thông báo chuyển tiền của nhà tài trợ cho người thụ hưởng gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để được xác nhận hạch toán.  - Đối với các khoản chi từ tài khoản tạm ứng hoặc tài khoản nhánh, trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi giải ngân cho người thụ hưởng, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền làm thủ tục kiểm soát chi (trường hợp kiểm soát chi sau) và lập 3 liên Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài kèm Bảng sao kê chứng từ chuyển tiền của ngân hàng phục vụ nơi chủ dự án mở tài khoản tạm ứng hoặc chứng từ thể hiện ngân hàng thương mại đã chuyển tiền cho người thụ hưởng (bản sao) gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để được kiểm soát chi (trường hợp kiểm soát chi sau) và xác nhận hạch toán. Trường hợp bên cho vay nước ngoài không chấp thuận khoản chi là hợp lệ hoặc chỉ chấp thuận một phần, chủ dự án báo cáo bằng văn bản cho Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kịp thời điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước.  - Trong vòng 3 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các thông tin và ký Giấy đề nghị hạch toán vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, gửi lại đơn vị hai bản chính để lưu và gửi Bộ Tài chính phục vụ rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài.  Đối với phần vốn thuộc cơ chế cấp phát, Kho bạc nhà nước lập lệnh hạch toán thu vốn ODA viện trợ không hoàn lại, ghi vay của ngân sách nhà nước vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, ghi chi cấp phát vốn đầu tư xây dựng, vốn chi thường xuyên cho các Bộ, cơ quan trung ương; ghi chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời ghi thu ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, ghi chi cho dự án theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.  Đối với phần vốn cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại, Kho bạc nhà nước lập lệnh hạch toán ghi vay của ngân sách Trung ương vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, ghi chi cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời ghi vay ngân sách địa phương vốn vay lại từ ngân sách trung ương, ghi chi cho dự án theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.  iii) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá quy đổi  - Các khoản tiền bên cho vay nước ngoài trực tiếp giải ngân bằng ngoại tệ cho nhà thầu, nhà cung cấp khi hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ) áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước tại thời điểm thanh toán. Đối với các khoản thanh toán trực tiếp bằng VNĐ, áp dụng tỷ giá thanh toán thực tế của bên cho vay nước ngoài giữa đồng tiền nhận nợ và đồng tiền thanh toán.  - Trường hợp dự án thực hiện rút vốn bằng ngoại tệ về TKTƯ:  + Các khoản chi từ TKTƯ áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ tại thời điểm thanh toán.  + Đối với các khoản tạm ứng bằng VNĐ cho tài khoản cấp hai, chủ tài khoản cấp hai hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng phục vụ vào thời điểm cấp tạm ứng và thực hiện chi tiêu, hạch toán vốn các lần tạm ứng theo nguyên tắc nhập trước - xuất trước.  - Chênh lệch tỷ giá khi hạch toán ngân sách nhà nước với số liệu kế toán của đơn vị được xử lý theo quy định của pháp luật về kế toán.  iv) Báo cáo, đối chiếu số liệu hạch toán ngân sách nhà nước  - Chậm nhất đến ngày 15/02 năm sau, chủ dự án đối chiếu số liệu đã xác nhận kiểm soát chi và số hạch toán ngân sách nhà nước trong năm ngân sách với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, cơ quan kiểm soát chi và Bộ Tài chính. Khi kết thúc giải ngân vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, chủ dự án gửi báo cáo tổng hợp số liệu giải ngân toàn dự án và hạch toán ngân sách nhà nước cho Kho bạc nhà nước, Cơ quan kiểm soát chi, cơ quan chủ quản và Bộ Tài chính để phục vụ quyết toán dự án.  - Đối với số liệu vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho vay lại, kết thúc niên độ ngân sách, căn cứ số liệu rút vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã được hạch toán qua Kho bạc nhà nước, UBND cấp tỉnh thực hiện đối chiếu với Bộ Tài chính số liệu rút vốn, trả nợ gốc, lãi, phí (kể cả lãi phạt, nếu có) và số dư nợ cuối kỳ.  - Chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý kế tiếp, Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số liệu vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã xác nhận hạch toán ngân sách nhà nước trên địa bàn trong quý trước báo cáo Kho bạc nhà nước, đồng gửi Sở Tài chính (đối với phần vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cho vay lại đối với UBND cấp tỉnh) để theo dõi, quản lý đối với phần vốn cấp phát và vốn vay lại.  - Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo số liệu chính xác, kịp thời theo tiến độ giải ngân để phục vụ hạch toán ngân sách nhà nước. Chương trình, dự án chỉ được quyết toán năm và quyết toán dự án hoàn thành sau khi các khoản chi vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã được hạch toán theo quy định.  Các thủ tục cụ thể hạch toán ngân sách nhà nước trong hệ thống Kho bạc nhà nước và chế độ báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Kho bạc nhà nước.  2.2 Theo dõi, đối chiếu vốn cho vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài  Đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được Bộ Tài chính ủy quyền cho ngân hàng chính sách của Nhà nước, tổ chức tín dụng là cơ quan cho vay lại để cho vay lại các chương trình, dự án đầu tư: căn cứ thông báo giải ngân của nhà tài trợ, báo cáo sao kê giải ngân của chủ dự án, Bộ Tài chính định kỳ thông báo cho cơ quan cho vay lại để theo dõi, đối chiếu và quản lý khoản vay lại theo ủy quyền.  2.3 Hạch toán lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa theo thỏa thuận với bên cho vay nước ngoài  Khoản lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa theo thỏa thuận với nhà tài trợ được hạch toán như sau:  - Trường hợp chương trình, dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế cho vay lại, người vay lại nhận nợ đối với khoản lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa theo quy định của Nghị định Chính phủ về cho vay lại. Bộ Tài chính làm thủ tục thông báo số tiền và thời điểm gốc hóa cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Cơ quan cho vay lại để theo dõi, quản lý khoản vay lại.  - Trường hợp chương trình, dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế cấp phát, khoản lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa là khoản vay của ngân sách trung ương để trả nơ. Bộ Tài chính hạch toán vay ngân sách trung ương số tiền được gốc hóa theo quy định.  3. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhà nước  3.1 Việc điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhằm xử lý chênh lệch giữa số liệu hạch toán ngân sách nhà nước với thực tế số liệu rút vốn và sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài chỉ được thực hiện trong những trường hợp sau:  a) Vốn đã rút nhưng không sử dụng hết hoặc chi sai mục đích phải trả lại bên cho vay nước ngoài theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết;  b) Chuyển đổi chủ dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;  c) Thay đổi về cơ chế tài chính trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền;  d) Điều chỉnh các sai sót hoặc nhầm lẫn khác trong quá trình hạch toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào đối chiếu số liệu giữa Kho bạc nhà nước các cấp với chủ dự án.  3.2 Quy trình và thủ tục điều chỉnh  Bộ Tài chính quy định quy trình và thủ tục điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước./. |